TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** **TỈNH CÀ MAU** ———	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ———————

Bản án số:**104**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 8 - 2018
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thảo Nhi

Ông Đỗ Minh Lắm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2018/QĐST - HNGĐ ngày 25/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị M, sinh năm 1985
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh N, sinh năm 1980
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị M và anh N kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn ngày 31/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Anh chị chung sống đến khoảng giữa năm 2015 thì ly thân cho đến nay. Lý do ly thân là do mâu thuẫn vợ chồng rồi anh N bỏ đi làm ăn xa không về. Mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống,nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc làm kinh tế bị thất bại, từ đó anh chị thường xuyên cự cải nhau. Gia đình cha mẹ hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả tốt. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn; thấy không thể

duy trì cuộc sống chung và hạnh phúc nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh N; anh N chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Con chung: Nh, sinh ngày 18/10/2001, X, sinh ngày 27/02/2004 và S, sinh ngày 01/6/2008 hiện đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con; không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

*Tài sản chun*g: Anh N, chị M không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Anh N, chị M xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm nhưng anh N có ý kiến bằng văn bản là từ chối tham gia tố tụng phiên hòa giải, phiên tòa xét xử; đồng ý Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh. Theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Hôn nhân*: Anh N và chị M kết hôn năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có chung tiếng nói trong cuộc sống chung vợ chồng; mâu thuẫn này được gia đình cha mẹ hai bên hòa giải nhưng không đem lại kết quả tốt. Từ những lý do trên, chị M yêu cầu được ly hôn, yêu cầu này của chị Mến được anh N chấp nhận.

Xét thấy việc chị M và anh N ly thân đã 03 năm nay, anh chị không còn chăm sóc, lo lắng gì đến nhau, tình cảm thương yêu vợ chồng không còn. Điều này đã chứng minh anh chị không thể có cuộc sống chung và hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3] *Con chung*: Nh, sinh ngày 18/10/2001, X, sinh ngày 27/02/2004 và S, sinh ngày 01/6/2008.

Đối với Nh đã thành niên, không bệnh tật nên không phải có người chăm sóc nuôi dưỡng.

Đối với X, sinh ngày 27/02/2004 và S, sinh ngày 01/6/2008 hiện đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng; chị M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con; yêu cầu này được anh N đòng ý và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cấp dưỡng cho con: Chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con, nên không giải quyết trong vụ án này.

[4] *Tài sản chung*: Chị M, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nên không giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Chị M, anh N xác định không.

[6] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị M phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - *Hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị M, chị M ly hôn với anh N.

Con chung: X, sinh ngày 27/02/2004 và S, sinh ngày 01/6/2008 giao cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân chị M phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012072 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Nguyễn Phích;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn